

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ GIA NGHĨA
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08-8-2023
V/v không công nhận quan hệ vợ
chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huế

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thông và bà Đặng Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thuý Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Như - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1980 - vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1977 - vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22-5-2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đỗ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn P tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, không hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông Nguyễn Văn P.

Về con chung: Bà và ông P có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 03-12-2002, cháu Nguyễn Thu Tr, sinh ngày 31-10-2005 và cháu Nguyễn Đức P, sinh ngày 29-10-2015. Bà T yêu cầu giao con chung là cháu Nguyễn Thu Tr và cháu Nguyễn Đức P cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Nguyễn Thu Tr và cháu Phát đủ 18 tuổi. Đối với cháu Nguyễn Thị Như Q đã trên 18 tuổi nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống không hạnh phúc, nay bà T làm đơn yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng thì ông đồng ý.

Về con chung: Ông và bà T có 03 con chung đúng như bà T trình bày về họ tên, ngày, tháng, năm sinh của con, nay bà T yêu cầu giao 02 con Nguyễn Thu Tr và cháu Nguyễn Đức P cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các con đủ 18 tuổi thì ông đồng ý, cháu Nguyễn Thị Như Q đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu nên ông cũng đồng ý và không có ý kiến khác.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ, nguyên đơn, bị đơn có mặt trong các buổi làm việc, phiên họp, phiên hoà giải về con chung,

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị T. Tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đỗ Thị T với ông Nguyễn Văn P.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Nguyễn Thu Tr, sinh ngày 31-10-2005 và cháu Nguyễn Đức P, sinh ngày 29-10-2015 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Tr và cháu P đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Không công nhận quan hệ vợ chồng”. Bị đơn ông Nguyễn Văn P cư trú tại tổ dân phố 5, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa theo quy định tại khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đỗ Thị T, bị đơn ông Nguyễn Văn P đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để thực hiện thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Đỗ Thị T khai bà và ông P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, anh Nguyễn Văn P cũng xác nhận lời khai của bà T là đúng. Tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố G cũng đã xác nhận tình trạng hôn nhân của bà Đỗ Thị T và ông Nguyễn Văn P là chưa đăng ký kết hôn với ai (*bút lục 10,11*). Như vậy, lời khai của bà T về việc bà T và ông P chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn là có thật.

Tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng*”.

Khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...

Tại Điều 87 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật này*”.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị T về quan hệ hôn nhân.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông P có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị

Như Q, sinh ngày 03-12-2002, cháu Nguyễn Thu Tr, sinh ngày 31-10-2005 và cháu Nguyễn Đức P, sinh ngày 29-10-2015. Cháu Q và cháu P cũng có nguyện vọng được ở với bà Đỗ Thị T. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thoả thuận được với nhau về con chung, cụ thể: Giao cháu Nguyễn Thu Tr, sinh ngày 31-10-2005 và cháu Nguyễn Đức P, sinh ngày 29-10-2015 cho chị Đỗ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu Nguyễn Thu Tr và cháu P đủ 18 tuổi.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Đỗ Thị T phải chịu tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 11, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, 81, 82, 83, 84, 85 và Điều 87 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Đỗ Thị T và ông Nguyễn Văn P là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thu Tr, sinh ngày 31-10-2005 và cháu Nguyễn Đức P, sinh ngày 29-10-2015 cho bà Đỗ Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Thu Tr và cháu Nguyễn Đức P đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Toà án không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Bà Đỗ Thị T phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004519 ngày 05-6-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc

ngày được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thành phố Gia Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Huế